Hoàng đế Quang Trung với đạo Phật: Tư duy biện chứng của một nhà cải cách

ISSN: 2734-9195 09:35 07/07/2026

Mối quan hệ giữa Hoàng đế Quang Trung và đạo Phật không nằm ở sự sùng bái tâm linh cá nhân, sự cầu xin phước báu ích kỷ, mà nằm ở tầm nhìn biện chứng của một vị minh quân đối với một thiết chế xã hội.

Hoàng đế **Quang Trung - Nguyễn Huệ**, anh hùng dân tộc, nhà quân sự kiệt xuất, danh tướng bách chiến bách thắng. Ông là một thiên tài quân sự, một trong những tướng lĩnh tài giỏi bậc nhất của dân tộc Việt Nam.

Từ một thủ lĩnh chiến đấu dưới cờ của anh trai mình là Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ đã trở thành lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn. Qua 21 năm chiến đấu, Nguyễn Huệ cùng quân đội **Tây Sơn** lập nên những kỳ tích oanh liệt: Chiến thắng Phú Yên (1775), ba lần đánh tan quân Nguyễn ở Gia Định (1777, 1782 và 1783), chiến thắng 5 vạn quân Xiêm trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút (19/01/1785); đánh đổ các tập đoàn phong kiến: chúa Nguyễn ở Đàng Trong, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, chấm dứt cảnh đất nước bị chia cắt trên 200 năm; quét sạch hơn 29 vạn quân xâm lược Mãn Thanh (1789), thống nhất đất nước.

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ không chỉ được biết đến là một thiên tài quân sự kiệt xuất với những chiến công hiển hách như trên, mà còn là một nhà cải cách chính trị có tư duy thực tiễn và táo bạo.

Khi đặt chân ra Bắc Hà để củng cố vương triều mới, vị anh hùng áo vải đã đối mặt với một thực trạng nhức nhối: sự suy thoái của Phật giáo lúc bấy giờ. Bằng tư duy của một nhà quản lý quốc gia đặt lợi ích dân tộc lên trên hết, vua Quang Trung đã thực thi những chính sách tôn giáo nghiêm khắc và mang tính bước ngoặt. Không sùng bái mù quáng nhưng cũng không bài xích, mối duyên giữa vua Quang Trung và đạo Phật là sự kết hợp độc đáo giữa kỷ cương phép nước và nỗ lực thanh lọc, chấn hưng lại những giá trị chân chính của chốn thiền môn.

1. Thực trạng Phật giáo cuối thế kỷ XVIII và bối cảnh lịch sử

Để hiểu được những quyết sách mang tính "*thiết quản*" của vua Quang Trung, cần nhìn lại bức tranh xã hội Đàng Ngoài và Đàng Trong trước khi nhà Tây Sơn thống nhất đất nước. Sau hơn hai thế kỷ nội chiến kéo dài (Lê - Trịnh - Nguyễn phân tranh), nền kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân lầm than, tư tưởng Nho giáo dần suy thoái. Trong bối cảnh đó, Phật giáo rơi vào tình trạng khủng hoảng về mặt quản lý:

1.1. Tình trạng "vị tăng" tràn lan: Nhà chùa vô tình trở thành nơi ẩn náu của các phần tử lười biếng, cơ hội. Thanh niên trai tráng trốn tránh nghĩa vụ lao dịch, tô thuế và đặc biệt là nghĩa vụ quân sự đã tìm cách "*phát túc siêu sai*", xuống tóc đi tu một cách ồ ạt.

1.2. Mê tín dị đoan hoành hành: Giáo lý chân chính bị lu mờ, thay vào đó là sự trỗi dậy của các hủ tục bói toán, đồng bóng, gõ mõ tụng kinh để trục lợi tiền bạc của chúng dân lầm than..

1.3. Hệ thống tự viện manh mún: Chùa chiền mọc lên khắp nơi từ đầu thôn đến cuối ngõ nhưng quy mô nhỏ nát, không có người trụ trì đủ phẩm hạnh, gây lãng phí nguồn lực đất đai và vật chất của xã hội.

Sách Đại Nam liệt truyện (Tập 3, Chính biên, Truyện các nghịch tặc) khi chép về giai đoạn này cũng thừa nhận thực trạng hỗn loạn của tăng đồ Bắc Hà: "*Bấy giờ phong tục Bắc Hà lỏng lẻo, người tu hành rất nhiều, đa số là kẻ lười biếng trốn việc quan, mượn cửa thiền làm nơi ẩn náu...*".



Tượng đài Hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ tại Gò Đống Đa. Ảnh: hanoi.gov.vn

2. "*Hịch quản lý tăng đồ*" - cuộc đại phẫu thanh lọc chốn thiền môn

Trước thực trạng đó, vua Quang Trung không lựa chọn giải pháp thỏa hiệp hay ban phát đặc quyền để lôi kéo tôn giáo, mà áp dụng luật pháp nghiêm minh để chấn hưng Phật giáo. Sắc lệnh quản lý tăng đồ của nhà vua (thường được dân gian gọi là Hịch quản lý tăng đồ) mang tính đột phá về mặt hành chính chính trị:

2.1. Sát hạch năng lực tu học: Triều đình Tây Sơn ra chỉ dụ cho các quan địa phương phối hợp với các vị cao tăng uy tín tổ chức các kỳ sát hạch diện rộng. Tăng sĩ bắt buộc phải thuộc lòng các bộ kinh căn bản (như Kinh Di Đà, Kinh Kim Cương), hiểu sâu giới luật. Những ai vượt qua kỳ sát hạch mới được triều đình cấp phép và phát thẻ "*Tăng thống*" (chứng chỉ hành đạo hợp pháp).

2.2. Kiên quyết cưỡng bức hoàn tục: Những đối tượng "*tu giả*", không đạt yêu cầu sát hạch lập tức bị tước áo cà sa, trả về đời sống thế tục. Sử liệu chép rõ: Những kẻ dưới 50 tuổi mà không thông kinh luật thì đều phải hoàn tục, trao trả về bản quán để chịu sai dịch, đóng thuế như dân thường, hoặc sung vào các đội quân dịch chống giặc ngoại xâm.

Hành động này của vua Quang Trung bị một số sử gia phong kiến nhà Nguyễn sau này chỉ trích là "*phá đạo*", nhưng dưới góc nhìn sử học hiện đại, đây là một biện pháp mang lại lợi ích kép. Nó vừa giải phóng tư tưởng, trả lại sự thanh tịnh, tôn nghiêm cho cửa Phật; vừa giúp nhà nước giải quyết triệt để bài toán thiếu hụt nhân lực cho quân đội và kinh tế thời chiến.

Nhà sử học Trần Trọng Kim trong Việt Nam sử lược cũng nhận định rằng chính sách này giúp triều đình Tây Sơn tinh lọc được bộ máy xã hội trong hoàn cảnh đất nước rất cần nguồn lực về con người.

3. Quy hoạch lại hệ thống tự viện: gom nhỏ thành lớn

Song song với việc quản lý con người, vua Quang Trung thực hiện chính sách quy hoạch lại không gian thờ tự theo tư duy tối ưu hóa nguồn lực kinh tế - xã hội.

Sách Tây Sơn thuật lược có ghi lại sắc lệnh của nhà vua: "*Các chùa nhỏ ở các làng xã nếu không có giá trị lịch sử hoặc hoang phế, không có chân tu trụ trì thì lệnh cho triệt giải. Gỗ đá, gạch ngói từ các chùa này phải thu gom lại để đem về các trung tâm huyện, phủ nhằm xây dựng các ngôi chùa lớn, khang trang hơn*".

Sách Việt Nam sử lược cũng viết: "*Vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ, mỗi huyện một cái chùa thật to, thật đẹp, rồi chọn những tăng nhân có học thức, có đạo đức, ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang Trung rằng chỗ thờ Phật phải cho trang nghiêm, mà những người đi tu hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được*".

Chính sách này có ba ý nghĩa chiến lược lớn:

Tiết kiệm công quỹ: Việc tái sử dụng vật liệu cũ giúp triều đình không phải huy động thêm tiền bạc và sức dân trong bối cảnh nền kinh tế vừa trải qua giai đoạn kiệt quệ vì chiến tranh.

Kiểm soát tư tưởng: Quy hoạch Phật giáo vào các cơ sở lớn giúp triều đình dễ dàng quản lý hoạt động giảng pháp, ngăn chặn tình trạng lợi dụng tôn giáo ở các vùng hẻo lánh để lập hội kín làm loạn.

Tạo dựng đại danh lam: Việc tập trung nguồn lực đã để lại cho hậu thế những kiệt tác kiến trúc.

Minh chứng tiêu biểu nhất là cuộc đại trùng tu Chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Nội) vào năm Cảnh Thịnh thứ 2 (năm 1794), kế thừa trực tiếp chính sách quy hoạch của vua Quang Trung. Hệ thống 79 pho tượng gỗ tại đây, đặc biệt là Bộ tượng Thập bát La Hán, chính là đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc thời Tây Sơn - những pho tượng mang gương mặt đầy suy tư, trăn trở, phản ánh chân thực nội tâm con người trong một thời đại bão táp.

Hoặc như chùa Kim Liên, ngôi chùa có kiến trúc độc đáo, đẹp, có những tấm bia cổ, quý hiếm, có giá trị to lớn về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Chùa Kim Liên được coi là một trong những ngôi chùa cổ vào loại đẹp nhất **Thăng Long - Hà Nội**. Đến thời Tây Sơn chùa được mở rộng, làm thêm nhà tiền đường. Trên thượng lương chùa Hạ và chùa Thượng cũng như trên tấm bia đặt bên trái tiền đường còn ghi rõ niên hiệu Quang Trung ngũ niên (Quang Trung năm thứ 5). Lời trong văn bia ghi: "*Tháng trọng năm Nhâm Tý (1792),*

nhân dân trong phường chữa lại chùa, xây thêm tiền đường". Diện mạo của chùa Kim Liên còn lại như ngày nay là di sản của kiến trúc chủ yếu thời Tây Sơn.

4. Tận dụng cơ sở tôn giáo phục vụ quốc phòng và phụng sự nhân văn

Là một nhà quân sự thực tế, vua Quang Trung đặt sự sống còn của quốc gia và độc lập dân tộc lên trên hết. Trong giai đoạn chiến tranh ác liệt chống quân Thanh xâm lược, nhà vua sẵn sàng đưa ra những quyết định táo bạo: trưng dụng một số ngôi chùa kiên cố làm kho tàng chiến lược, xưởng đúc tiền, đúc súng đại bác hoặc doanh trại đóng quân binh.

Tuy nhiên, tư duy quân sự của ông luôn song hành với tinh thần nhân văn cao cả của Phật giáo. Lịch sử Thăng Long còn ghi đậm dấu ấn của ông tại Chùa Bộc (Đống Đa, Hà Nội). Sau chiến thắng vang dội mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789), chứng kiến cảnh hàng vạn xác quân Thanh và binh sĩ Tây Sơn ngã xuống, vua Quang Trung đã ban lệnh cho quy tập thi thể, đắp thành các gò quanh vùng (nay là các gò Đống Đa), đồng thời ban tiền bạc để tu sửa Chùa Bộc.

Tại đây, nhà vua đã cho lập đàn chẩn tế siêu độ cho vong linh tử trận của cả hai bên. Việc cầu siêu cho cả binh sĩ viễn chinh xâm lược là một nghĩa cử mang đậm tinh thần từ bi, vô ngã, lấy nhân nghĩa đại lượng để cảm hóa và hóa giải hận thù dân tộc xoa dịu nỗi đau thương sau cuộc can qua.

5. Sự chở che của Phật giáo và lòng tôn kính của nhân dân

Dù chính sách của vua Quang Trung có phần khắc nghiệt đối với một bộ phận tăng sĩ cơ hội thời bấy giờ, nhưng dòng chảy lịch sử đã chứng minh tính đúng đắn và lòng biết ơn của nhân dân đối với ông. Khi vương triều Tây Sơn sụp đổ, nhà Nguyễn lên nắm quyền và thực hiện chính sách trả thù tàn khốc, "*tận đào triệt hạ*" mọi di sản, sắc phong của Tây Sơn, thì chính Phật giáo và nhân dân đã biến các ngôi chùa thành nơi che chở an toàn nhất cho ký ức về ông.

Tại Chùa Bộc, nhân dân đã khéo léo tạc một pho tượng đặc biệt để thờ Ngài dưới danh nghĩa tượng Đức Ông. Giáo sư Trần Quốc Vượng trong các nghiên cứu về di tích Thăng Long đã chỉ ra những "*mật mã*" để vương không thể chối cãi trên pho tượng này: Tượng ngồi ở vị trí cao nhất của ban thờ, mặc hoàng bào thêu rồng ẩn trong mây, đầu đội mũ Xung thiên - loại mũ chỉ dành riêng cho thiên tử. Đặc biệt dáng ngồi xỏ một chân vào hài, một chân để trần biểu thị phong thái bộc trực, hành động thần tốc của vị vua áo vải.

Phía sau bệ tượng, các nghệ nhân xưa đã âm thầm khắc dòng chữ Hán khuất: "*Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng*" (Năm Bính Ngọ tạc tượng Quang Trung). Bên cạnh đó là đôi câu đối cổ treo hai bên ngai thờ, tương truyền do danh sĩ Cao Bá Quát đề tặng:

"*Động lý vô trần, đại địa sơn hà lưu đống vũ;*
Quang trung hóa Phật, tiểu thiên thế giới chuyển phong vân".

Có thể dịch nghĩa đôi câu đối như sau:

"*Trong động không bụi nhỏ, đất nước rộng lớn để lại một tòa lâu đài rường cột làm dấu vết;*
Giữa ánh sáng thành Phật, thế giới cõi tiểu thiên, gió mây đều cảm động mà chuyển vần".

Hai chữ đầu của vế dưới ghép lại chính là niên hiệu Quang Trung. Đôi câu đối vừa ca ngợi cõi Phật, vừa ngầm khẳng định: Giang sơn này giữ được là nhờ vị "*rường cột*" (đống vũ) Quang Trung, người đã làm cuộc biến chuyển "*bách chiến bách thắng*" quét sạch bóng giặc như gió cuốn mây trôi.

6. Lời kết

Nhìn lại lịch sử, mối quan hệ giữa Hoàng đế Quang Trung và **đạo Phật** không nằm ở sự sùng bái tâm linh cá nhân, sự cầu xin phước báu ích kỷ, mà nằm ở tầm nhìn biện chứng của một vị minh quân đối với một thiết chế xã hội. Bằng những quyết sách táo bạo như sàng lọc tăng đồ, quy hoạch tự viện và bài trừ mê tín, vua Quang Trung đã cứu đạo Phật khỏi sự suy thoái, đưa tôn giáo này trở về đúng giá trị cốt lõi là hướng thiện và đồng hành cùng vận mệnh của quốc gia.

Những pho tượng ẩn mình ở chốn thiền môn hay các tượng đài lẫm liệt ngày nay chính là minh chứng bất tử cho thấy: tư duy cải cách của Hoàng đế Quang Trung đã hòa quyện cùng lòng yêu nước của nhân dân, biến tên tuổi Quang Trung thành một phần di sản tâm linh cao quý, đồng hành mãi mãi cùng dòng chảy văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Đại Nam liệt truyện - Quốc sử quán triều Nguyễn
2. Tây Sơn thuật lược - Khuyết danh
3. Việt Nam sử lược - Trần Trọng Kim

4. Lịch sử Phật giáo Việt Nam - Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
5. Hoàng đế Quang Trung - Nhà quân sự kiệt xuất, danh tướng bách chiến bách thắng - Đặng Việt Thủy.
6. Các tiểu luận nghiên cứu về Chùa Bộc và Chùa Tây Phương - GS. Trần Quốc Vượng.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy**